

Bản án số: 71/2022/HS - ST
Ngày 29 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí
Bà Nguyễn Thị Hoè

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa công khai để xét xử vụ án hình sự thụ lý số 68/2022/TLST – HS ngày 27 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 766/2022/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 02 năm 1997 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn H, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Trương Thị Q; có vợ: Đàm Thị Hà Nh và 02 con, đứa lớn 03 tuổi, nhỏ 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt theo lệnh trích xuất

2. Lê Minh Q (tên gọi khác: Không), sinh ngày 22 tháng 8 năm 2002 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chưa xác định, con bà Lê Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2022 đến ngày 04/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

3. Trần Đức D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 10 năm 2001 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng

Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết) và bà Tạ Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2022 đến ngày 04/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo có mặt tại phiên toà

4. Lê Thanh D1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28 tháng 02 năm 2001 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Lê Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

5. Huỳnh Duy T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 5 năm 2003 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Huy T và bà Bùi Thị Ph; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2022 đến ngày 04/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo có mặt tại phiên toà

6. Trịnh Thế A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình C và bà Nguyễn Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà

7. Lê Đức T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 8 năm 2004 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình (khi phạm tội 17 tuổi 9 tháng); nơi thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng Th và bà Phạm Thị Ph; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà

Đại diện hợp pháp của bị cáo T: Ông Lê Hoàng Th

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (ông Th là bố bị cáo T); có mặt

Người bào chữa cho bị cáo T Bà Phan Thị Bích Th - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt

8. Đàm Minh T2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 9 năm 1998 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn H, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn Th và bà Mai Thị Hoài Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2022 đến ngày 04/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo có mặt tại phiên toà

9. Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 10 năm 2003 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi thường trú: Thôn H, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị H (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2022 đến ngày 22/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo có mặt tại phiên toà

- *Bị hại*: Lê Thanh D1, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Phạm Minh T3, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn H, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

2. Trần Đình L, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

3. Võ Duy Ng, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

4. Lê Thị Q, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

5. Lê Trường G, sinh năm 2022

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

6. Phạm Thị Thanh Nh, sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mâu thuẫn trong khi ăn nhậu tại quán Gold Garden thuộc thôn N, xã Q, huyện Q, nên khoảng 00 giờ ngày 01/5/2022, Trần Đức D, Trịnh Thế A, Lê Đức T, Huỳnh Duy T1 và Lê Minh Q ra về thì Trần Đình L đi ra theo nói: “Lúc này có cãi nhau do hiểu nhầm, có gì các anh thông cảm”. D nói: “Không can chi mô, chỉ ghét thằng ở trần không quen biết chi cả mà sang chúc uống bia nói năng khó chịu”. D1, A, T, T1 và Q đi về nhà của Lê Thanh D ở thôn N, xã Q, D nói: “Lúc này có thằng ở trần láo quá, để tau ra coi bọn hần về chưa rồi

ra chặn đường đập”. D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73E1 - 456.18 chở T1 đi qua trước quán Gold Garden thấy Th, S, T3 và L (ở xã Q1) đang ngồi trong quán. D và T1 quay lại nói với A, T, T1 và D1 (D1 mới về nhà): “Bọn Q chưa về, chừ bây ra đập không”. Cả nhóm đồng ý, A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73E1 - 440.56 chở Q và D; D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73E1 - 456.18 chở T1 và T, qua trước quán Gold Garden thì T chỉ tay vào phía quán chửi tục: “Đ. mẹ, bọn bây ra đây”. Hai xe này vòng lại hai lần rồi tiếp tục đi về hướng Bắc khoảng 100 mét, rồi rẽ về phía Tây vào một đường đất khoảng 500 mét thì dừng xe, D nói: “Bé cây Bạch đàn để tý đánh nhau có cái mà dùng”, mọi người nghe đều lấy một đoạn cây làm gậy. Sau đó, cả nhóm đi tiếp đến ngã tư đường giao nhau giữa đường tránh ven biển với đường đi vào công trình làm nhà ở công nhân Nhà máy nhiệt điện thì dừng lại (ngã tư Ch). Lê Minh Q gọi điện thoại cho Lê Trường G đến gặp, khoảng 10 phút sau thì G đến chở theo chị Lê Thị Q. D bảo đưa xe mô tô đến cách quán Gold Garden khoảng 400 mét và dắt xe đi bộ để đón đường đánh nhóm thanh niên xã Q. Sau khi giấu xe T1, D, A, T, Q và D1 mỗi người cầm theo một đoạn cây Bạch đàn, còn G và Q đi theo sau, nhưng không mang theo hung khí gì. Khi đến cách quán Gold Garden khoảng 200 mét thì thấy hai xe mô tô của L, Th, T và S rời quán chạy về phía Bắc. Thấy vậy, T1, D, A, T, Q, D1, G và Q quay lại lấy xe mô tô để về.

Nhóm Th, S, L và T đang ngồi trong quán, thấy có hai xe máy chạy qua chạy lại ngoài cổng chỉ tay vào và chửi tục, cho rằng nhóm thanh niên kia đến gây sự, nên bảo nhau thanh toán tiền để về. S vào bếp quán lấy một dao nhỏ giấu vào túi quần (loại dao Thái Lan có cán nhựa màu vàng) rồi đi ra. Th nói với L: Có khi bọn nó chặn đường mình ở phía đường ra Quốc lộ 1A, đi hướng khác để tránh đã. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73E1-409.62 chở Th rời khỏi quán đi theo hướng ra phía Bắc để về, T điều khiển xe mô tô 73E1-431.39 chở S đi theo xe L. Đi được khoảng 500 mét thì L và Th thấy phía trước có một nhóm người nên đã rẽ vào đường ngang để tránh. Cho rằng đó là nhóm ở xã Q đang chặn đường, Th gọi điện cho Đàm Minh T2, ở cùng xã Q1, nói: “Có bọn ở xã Q đang chặn đường để đánh bọn tau, mi cầm theo “đồ” ra đoạn đường gần quán Gold Garden giúp bọn tau với”. Sau đó, Th bảo quay lại đường cũ để về, khi đi đến gần Quốc lộ 1A thì gặp T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73N5-9266 đi ngược lại. Th bảo L dừng xe rồi tự đi đến gặp T2, S cũng xuống xe và đi bộ đến gần T2. Thấy giá đèo hàng sau tay lái xe T2 có giắt một đoạn ống kim loại, Th nói: “Còn chi nữa không? Chỉ có một cái đui thì không đập được bọn nó mô”. T2 mở cốp xe mô tô lấy một dao nhỏ (loại dao Thái Lan) đưa cho Th. Th để dao vào túi áo khoác trước bụng rồi đi tới bảo L quay xe lại đi ngược ra biển. T2 thấy L quay xe thì cũng chở S chạy theo, T2

đi xe theo sau. Đi một đoạn thì Th bảo L rẽ vào đường công sau khu xây dựng nhà ở công nhân Nhà máy nhiệt điện, T2 và T3 cũng điều khiển xe đi theo sau.

Khi T1, D, A, T, Q, D1 quay lại chỗ để xe, thì thấy G và Q chuẩn bị về. Lúc này có 03 xe mô tô dৌ় chạყ ngoài đường, D nói: Chờ cho mấy xe kia đi qua coi đã. G nói: Để tau chở Q về, tau không gây gổ chi cả, thấy tau chở con gái thì bọn nó (nhóm Q) cũng không làm chi mô.

Khi L, Th, T3, S và T2 đi đến đoạn đường công sau khu xây dựng nhà ở công nhân Nhà máy nhiệt điện thì gặp G chở Q từ vị trí giấu xe đi ra nên Th bảo L dừng xe và xuống xe quát bảo G dừng xe. Th đi tới hỏi: “Bọn bây chặn đường bọn tau chỗ mô”. G nói: “Em không biết chi cả”. Th cầm dao trên tay trái giơ ra dọa và dùng tay phải đánh vào đầu, mặt G làm cho G ngã và xe cũng ngã theo, S xông tới dùng tay, chân đánh vào người G. T2 dựng xe lấy ống tuýp kim loại đi đến gần G, T1 và L dựng xe đứng cách chỗ G khoảng 05 mét nhưng không làm gì. Chị Q kêu khóc nói: “Anh ấy có làm chi mô mà mấy anh đánh”. D, T1, Q, T, D1 và A nghe tiếng Q kêu khóc, nên mỗi người cầm theo một gậy chạყ đến và hò hét. Lúc này, Th, S và T2 đang đứng gần vị trí của G và Q thì bị D1, Q, T1 xông vào đánh. L và T3 thấy đông người bắt ngờ xông đến nên bỏ chạყ.

D1 cầm đoạn cây (gậy) đánh trúng Th một cái vào sau đầu; T1 cầm gậy đánh S hai cái trúng vào trên đầu; T2 dùng tay chân đánh D1 thì bị D1 dùng gậy đánh trả, Q cũng cầm gậy xông vào thì Th, S, T2 bỏ chạყ.

Th cầm dao bỏ chạყ được khoảng 23 mét thì quay lại, thấy D1 đang cầm gậy tay phải giơ lên để đánh, tay phải Th cầm dao đâm một nhát vào bắp tay trái của D1, rồi áp sát đâm tiếp một nhát trúng vào vùng sau lưng trái của D1, tay trái Th xô D1 ra. D1 quay lại chạყ về phía G, Th chạყ về phía ngược lại.

T1 và Q đuổi theo T2, khi T2 quay lại thì bị Q đánh một gậy vào trán trái. T2 dùng ống tuýp đánh Q một cái vào vai và một cái vào lưng thì bị rơi ống tuýp, nên T2 quay lại bỏ chạყ, Q và T1 cũng quay lại vị trí của G và Q. D, T và A xông đến thì L, T3, Th, S và T2 đã bỏ chạყ. G bị đánh đứng với Q, không kích động, cổ vũ hoặc đuổi theo ai.

Thấy nhóm thanh niên xã Q1 bỏ chạყ bỏ lại xe mô tô, nên A quay lại dùng gậy đập nhiều cái vỡ phần đầu xe mô tô màu đỏ BKS 73E1 - 409.62 và đập ngã xe; Q dùng gậy gõ vỡ mặt đồng hồ và mang bên phải của xe BKS 73N5 - 9266; T1 dùng gậy đập nhiều cái vào giữa thân xe BKS 73E1 - 431.39, làm xe bị hư hỏng.

- Hậu quả: Lê Thanh D1 bị Trần Đình Th dùng dao đâm vào cánh tay trái và lưng trái, được sơ cứu rồi chuyển vào điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực, sau đó chuyển vào điều trị tại Bệnh viện H đến ngày 09/5/2022 thì ra viện. Tổn hại sức khỏe 12%,

Tại bản kết luận giám định về thương tích số 65/TgT ngày 04/5/2022 và bản kết luận giám định bổ sung số 141/TgT ngày 15/9/2022 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Quảng Bình kết luận về thương tích của Lê Thanh D1: Tổng tooten hại sức khỏe là 12%; Vết thương bờ ngoài xương bả vai trái thấu phổi trái gây nguy hiểm đến tính mạng 11%; vết thương cánh tay trái không nguy hiểm đến tính mạng 01%.

Trần Đình Th bị Lê Thanh D1 đánh vào vùng đầu bị thương, xây xát vùng cổ, sơ cứu khâu vết thương tại Trạm y tế xã Q, tổn hại sức khỏe 01%.

Xe mô tô biển kiểm soát 73E1-431.39 của Phạm Minh T3; xe mô tô 73E1-409.62 của Trần Đình L và xe mô tô 73N5 - 9266 của Đàm Minh T2, tổng thiệt hại của cả 03 xe trên là 1.509.000 đồng đã được bồi thường đầy đủ;

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đình Th thừa nhận đã dùng dao bằng kim loại trực tiếp đâm 02 nhát vào tay và lưng trái của bị hại Lê Thanh D1, trong đó có nhát đâm vào lưng trái thấu phổi. Các bị cáo còn lại thừa nhận hành vi gây rối trật tự công cộng của mình, đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Đình Th về tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”; các bị cáo D, Q, D1, A, T1, T, T2 và S về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 15, Điều 38, điểm b, s, e khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 55, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần Đình Th từ 04 đến 05 năm tù về tội “Giết người” và 6 đến 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 4 năm 6 tháng đến 06 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 cho các bị cáo D, Q, D1, A, T2, T1, T và S; riêng bị cáo Trần Đức D áp dụng thêm điểm t khoản 1 khoản 1 Điều 51; bị cáo S áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 36; bị cáo Lê Đức T áp dụng thêm Điều 35, Điều 91 và Điều 99 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần Đức D, Lê Minh Q, Lê Thanh D1, Huỳnh Văn T1, Trịnh Thế A, Đàm Minh T2 mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi; xử phạt bị cáo bị cáo Lê Đức T từ 15 đến 20 triệu đồng; xử phạt Nguyễn Văn S từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; buộc các bị phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T đã thực hiện đúng quy định của người bào chữa, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử người bào chữa và các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Đình Th thừa nhận, do mâu thuẫn lúc ăn nhậu tại quán Gold Garden thuộc thôn N, xã Q, huyện Q nên khoảng 00 giờ ngày 01/5/2022 nhóm thanh niên xã Q có những lời nói thiếu văn hoá xúc phạm và dùng gậy gỗ đánh nhóm thanh niên xã Q1, bị cáo (Th) bị Lê Thanh D1 dùng gậy gỗ đánh vào đầu, do bức xúc nên bị cáo Th cầm dao bằng kim loại ở tay phải đâm 2 nhát vào người D1 gây thương tích 12%. Tại bản kết luận giám định về thương tích số 65/TgT ngày 04/5/2022 và bản kết luận giám định bổ sung số 141/TgT ngày 15/9/2022 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Quảng Bình kết luận về thương tích của Lê Thanh D1 có vết thương bờ ngoài xương bả vai trái thấu phổi trái gây nguy hiểm đến tính mạng 11%; vết thương cánh tay trái không nguy hiểm đến tính mạng 01%.

[3] Theo hướng dẫn tại Án lệ số 47/2021/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 thì hành vi dùng dao đâm vào bờ ngoài xương bả vai trái thấu phổi trái gây nguy hiểm đến tính mạng bị hại Lê Thanh D1 của bị cáo Trần Đình Th đã phạm vào tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài hành vi giết người bị cáo Trần Đình Th còn dùng dao là hung khí để gây mất trật tự công cộng nên đã phạm thêm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Lê Đức T, Đàm Minh T2 và Nguyễn Văn S đều thừa nhận, khoảng 00 giờ ngày 01/5/2022 nhóm thanh niên xã Q có những lời nói thiếu văn hoá xúc phạm và dùng gậy gỗ để chặn đánh nhóm thanh niên xã Q1; sợ bị đánh nên Th thuộc nhóm thanh niên xã Q1 đã gọi cho Đàm Minh T2 mang hung khí đến (dao và ông sất), còn Nguyễn Văn S vào quán lấy 01 dao Thái Lan loại nhỏ giấu ở túi quần. Hai nhóm thanh niên dùng hung khí và tay không đánh nhau gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Sau khi nhóm thanh niên xã Q1 bỏ chạy A, Q và T1 dùng gậy gỗ đánh hỏng một số phụ kiện 03 xe mô tô của các thanh niên xã Q1, gây thiệt hại 1.509.000 đồng. Do đó các bị cáo đã phạm vào tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015; riêng bị cáo S

không dùng hung khí khi đánh nhau nên phạm vào khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Các bị cáo Trần Đình Th, Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Lê Đức T, Đàm Minh T2 và Nguyễn Văn S là người có thể chất phát triển bình thường, không bị các bệnh lý về tâm thần, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Th nhận thức rõ hành vi dùng dao bằng kim loại đâm trực tiếp vào vùng nguy hiểm của con người sẽ dẫn đến tử vong, việc bị hại trong vụ án này không tử vong là do cấp cứu kịp thời. Các bị cáo còn lại trong vụ án này đều nhận thức được việc dung hung khí để gây rối và phá phách tài sản là hành vi nguyên hiểm cho xã hội sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng phạm tội gây rối trật tự công cộng nhưng các bị cáo phạm tội mang tính bột phát, không có tổ chức.

[6] Từ phân tích tại các mục [2], [3], [4] và [5] thấy đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Đình Th phạm hai tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 và “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Lê Đức T, Đàm Minh T2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố và người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, e khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Đình Th; áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Đàm Minh T2, Nguyễn Văn S và Lê Đức T; riêng bị cáo T áp dụng thêm Điều 35, Điều 91, Điều 99, bị cáo D áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51, bị cáo S áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 thấy: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự giác ra đầu thú; bị cáo Th đã tự nguyện bồi thường toàn bộ chi điều trị 21.000.000 đồng cho bị hại Lê Thanh D1, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; các bị cáo D1, T1 và Q đã bồi thường thương tích cho các bị cáo Th, T2 và S mỗi người 200.000 đồng; các bị cáo T1, Q và A đã bồi thường việc phá hỏng xe mô tô số tiền 1.509.000 đồng. Bị cáo Th phạm tội khi bị kích động về thần kinh, do hành vi trái pháp luật của Lê Thanh D1 gây ra (D1 dùng gậy gỗ đánh bị cáo Th), bị cáo phạm tội chưa đạt nên được áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51, Điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị

cáo Lê Đức D có tham gia quân đội, quá trình điều tra đã hợp tác với cơ quan Công an trong việc phát hiện, tố giác tội phạm (có xác nhận của Văn phòng điều tra Công an tỉnh Quảng Bình) nên được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lê Đức T khi phạm tội là người chưa thành niên nên áp dụng thêm Điều 100 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Từ phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 15, điểm b, s, e khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Trần Đình Th từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù về tội “Giết người” và 09 đến 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo D, D1, Q, T1, A, T2, S; riêng bị Trần Đức D áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51; bị cáo S áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51; bị cáo T áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 100; các bị cáo D1, Q và T1 áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo Lê Minh Q, Lê Thanh D1, Trần Đức D và Huỳnh Duy T1 mỗi bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; xử phạt các bị cáo Trịnh Thế A và Đàm Minh T2 mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

[9] Quá trình điều tra thu giữ: 07 gậy gỗ bạch đàn có kích thước (01 gậy dài 80cm, đường kính 2,5cm; 01 gậy dài 61cm, đường kính 3cm; 01 gậy dài 82cm, đường kính 2,5cm; 01 gậy dài 80cm, đường kính 2cm; 01 gậy dài 80cm, đường kính 3cm; 01 gậy dài 87,5cm, đường kính 3cm; 01 gậy dài 98cm, đường kính 3cm) tất cả 07 gậy gỗ trên có hai đầu gậy, xước xước, nham nhỡ. Các vật chứng này không còn giá trị sử dụng, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 cần tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại, tại phiên tòa không có bị hại nào yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Bị cáo Trần Đình Th đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 09/5/2022 cho đến nay, nên Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

[12] Các bị cáo Trần Đình Th, Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Lê Đức T, Đàm Minh T2 và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình Th phạm hai tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”. Các bị cáo Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Lê Đức T, Đàm Minh T2 và Nguyễn Văn S phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 15, Điều 38, điểm b, s, e khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Án lệ số 47/2021/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021; xử phạt bị cáo Trần Đình Th 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”, 09 (chín) tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 4 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2022; Quyết định tạm giam bị cáo Trần Đình Th 45 ngày kể từ ngày tuyên án 29/11/2022, để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Minh Q 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Đức D 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Thanh D1 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Huỳnh Duy T1 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60

(sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trịnh Thế A 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Đàm Thanh T2 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022 về tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 100 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Đức T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Giao bị cáo Lê Đức T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nhận được bản án và quyết định thi hành án; trong thời gian chấp hành án bị cáo Lê Đức T có nghĩa vụ chấp hành theo quy định tại Điều 99 và 100 Luật thi hành án hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Đức T.

10. Giao các bị cáo Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án; giao các bị cáo Đàm Minh T2 và Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Các bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 87 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

11. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 07 gậy gỗ bạch đàn có kích thước như sau: 01 gậy dài 80cm, đường kính 2,5cm; 01 gậy dài 61cm, đường kính 3cm; 01 gậy dài 82cm, đường kính 2,5cm; 01 gậy dài 80cm, đường kính 2cm; 01 gậy dài 80cm, đường kính 3cm; 01 gậy dài 87,5cm, đường kính 3cm; 01 gậy dài 98cm, đường kính 3cm) tất cả 07 gậy gỗ trên có hai đầu gậy, xước xước, nhám nhỡ (các vật chứng trên đang giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

12. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Đình Th, Lê Minh Q, Trần Đức D, Lê Thanh D1, Huỳnh Duy T1, Trịnh Thế A, Đàm Minh T2, Nguyễn Văn S và Lê Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2022.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P2);
- Văn phòng Điều tra CAQB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan THA hình sự;
- Phòng NV & THA Tòa án tỉnh QB;
- Trại tạm giam CAQB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Q ;
- UBND xã Q1;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

